

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HS-ST

Ngày: 20-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm T Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Bùi Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đỉnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huê - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Lương Thị C, sinh năm 1990; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm 8, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn Q, sinh năm 1957 và bà Trần Thị T, sinh năm 1960; anh chị em ruột có 05 người, bị cáo là thứ tư; chồng là Ngô Văn H, sinh năm 1989 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh ngày 16/7/2019; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt truy nã tạm giữ từ ngày 01/02/2021 đến ngày 04/02/2021 thì chuyển tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định. Có mặt.

- Người bào chữa của bị cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh T – Luật sư Văn phòng luật sư T, Đoàn Luật sư tỉnh Nam Định. Có mặt.

- Bị hại: Anh Mai Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 5, xã , huyện H, tỉnh Nam Định. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Văn G, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Nam Định. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Ngô Văn H, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm 8, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Có mặt.

2. Chị Mai Thị T, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm 5, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Có mặt.

3. Chị Vũ Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Nam Định. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ bạn bè thân thiết từ trước, Lương Thị C nhiều lần mượn xe ô tô của anh Mai Văn T để làm phương tiện đi lại phục vụ công việc làm ăn. Chiều ngày 09/4/2019, C đến nhà anh T mượn xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, biển kiểm soát 30E – 857.00 để đi công việc, anh T đồng ý và nói toàn bộ giấy tờ xe đã để sẵn trên ô tô gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận kiểm định, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc đều mang tên Đặng Tiến D, sinh năm 1973 trú tại thôn M, xã K, huyện U, thành phố Hà Nội (là chủ sở hữu đăng ký lần đầu Chiếc xe ô tô). Do cần tiền để trang trải nợ lán, C nảy sinh ý định mang Chiếc xe ô tô mượn của anh T bán lấy tiền trả nợ. Khoảng 19 giờ cùng ngày, C bảo chồng là Ngô Văn H đi xe mô tô đến cửa hàng mua bán xe của anh Phạm Văn G, còn C một mình điều khiển xe ô tô đến cửa hàng anh G. Sau đó C đặt vấn đề với anh G “em muốn bán Chiếc xe này có được 200 triệu không”, anh G kiểm tra xe nói “không được, chỉ được 180 triệu thôi” và xem toàn bộ giấy tờ xe đều mang tên Đặng Tiến D nên anh G hỏi “sao đăng ký xe không phải tên em” thì C nói chưa kịp làm thủ tục sang tên đăng ký. Để tạo lòng tin cho anh G, C đưa thêm căn cước công dân của C, H cho anh G xem và tự viết giấy bán xe cam đoan đây là xe của mình rồi bảo H cùng ký xác nhận nên anh G đồng ý mua Chiếc xe trên với giá 180.000.000 đồng. Sau khi ký vào giấy bán xe, H nói với C “tôi chỉ ký xác nhận còn việc làm ăn của bà kệ bà”. C đã sử dụng hết số tiền trên trả nợ và bỏ trốn khỏi địa phương. Đến đầu tháng 8/2019, không thấy C trả xe ô tô nên anh T đến Công an huyện Hải Hậu làm đơn trình báo. Cơ quan CSĐT Công an huyện Hải Hậu ra quyết định tạm giữ Chiếc xe ô tô TOYOTA VIOS, biển kiểm soát 30E – 857.00 tại nhà anh Phạm Văn G để phục vụ quá trình điều tra. Đến ngày 01/02/2021, C bị Phòng Cảnh sát hình sự công an tỉnh Nam Định bắt theo lệnh truy nã.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 30/KL-HĐĐG ngày 14/10/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Hải Hậu kết luận: Tại thời điểm định giá Chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, sơn màu đen, biển kiểm soát 30E-857.00 đã qua sử dụng trị giá là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng).

Cơ quan điều tra đã trả lại Chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, biển kiểm soát 30E-857.00 và 01 giấy chứng nhận đăng ký của xe ô tô, 01 giấy chứng nhận kiểm định, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc T giữ trong quá trình điều

tra cho anh Mai Văn T. Sau khi nhận lại tài sản anh T không có ý kiến đề nghị gì thêm về phần dân sự.

Anh Phạm Văn G là người mua xe ô tô của Lương Thị C có yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 180.000.000 đồng mua xe. Trong quá trình điều tra và xét xử, bị cáo đã tác động gia đình giao nộp số tiền 40.000.000 đồng tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Hải Hậu và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu để trả cho anh Phạm Văn G.

Tại bản Cáo trạng số 26/CT-VKSHH ngày 12-4-2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đã truy tố Lương Thị C về tội “Lạm dụng tín nhiệm Chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lương Thị C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm Chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; các điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Lương Thị C từ 30 tháng đến 36 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Phạm Văn G số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; trả cho anh Phạm Văn G số tiền 40.000.000 đồng gia đình bị cáo đã nộp hiện đang tạm giữ tại C cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo, luật sư Nguyễn Thị Thanh T có quan điểm: Nhất trí với quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đối với bị cáo về tội danh “Lạm dụng tín nhiệm Chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử xét hoàn cảnh của bị cáo khi phạm tội đang mang thai, nợ lẫn nhiều ảnh hưởng đến tâm lý nên nhất thời phạm tội; tại phiên tòa đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; đã tích cực tác động gia đình nộp tiền để khắc phục một phần hậu quả cho anh Phạm Văn G; bị cáo có nhận thân tốt, lần đầu phạm tội; hoàn cảnh gia đình khó khăn có 03 con nhỏ đang cần sự chăm sóc của bố mẹ; tại phiên tòa được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên đề nghị áp dụng các điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng mức án thấp để bị cáo sớm được trở về với cộng đồng xã hội và gia đình.

Trong phần tranh luận và lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận đã phạm tội, thái độ ăn năn hối lỗi và đề nghị được giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về đoàn tụ với gia đình và xã hội.

Bị hại anh Mai Văn T xác nhận đã nhận lại tài sản bị Chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và có ý kiến xin được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn G xác nhận đã mua xe ô tô của bị cáo Lương Thị C với giá 180.000.000 đồng. Gia đình bị cáo C có gọi điện trả cho anh một phần tiền mua xe nhưng anh chưa nhận. Nay anh yêu cầu bị cáo trả cho anh số tiền đã mua xe là 180.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hải Hậu, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; vật chứng T giữ được, cùng kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác được T thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Do có mối quan hệ bạn bè thân thiết, ngày 09/4/2019 Lương Thị C đến nhà anh Mai Văn T mượn xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, biển kiểm soát 30E – 857.00 trị giá 180.000.000 đồng để đi công việc, sau đó do cần tiền trả nợ bị cáo đã nảy sinh ý định bán Chiếc xe ô tô trên để lấy tiền trả nợ, bị cáo đã đến Cửa hàng mua bán xe của anh Phạm Văn G bán Chiếc xe ô tô cho anh G lấy 180.000.000 đồng rồi bỏ trốn khỏi địa phương. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm Chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của VKSND huyện Hải Hậu truy tố bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội, phù hợp quy định pháp luật.

Điều 175. Tội “Lạm dụng tín nhiệm Chiếm đoạt tài sản” của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: *“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây Chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để Chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: ...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”.

[3] Xét hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo nhận thức được việc Chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải; đã tích cực tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; khi phạm tội bị cáo đang có thai; hoàn cảnh gia đình khó khăn đang phải nuôi dưỡng con nhỏ dưới 36 tháng tuổi và tại phiên tòa được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, n, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về áp dụng hình phạt: Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra; về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tiếp tục cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, hoàn cảnh khó khăn; hiện các con còn nhỏ đang phải nuôi dưỡng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Mai Văn T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn G yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 180.000.000 đồng mua xe ô tô, bị cáo nhất trí trả. Trong quá trình điều tra và trước phiên tòa gia đình bị cáo đã nộp số tiền 40.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo. Vì vậy bị cáo còn phải tiếp tục hoàn trả số tiền còn thiếu cho anh G là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584 và 589 của Bộ luật Dân sự.

[9] Đối với anh Ngô Văn H là chồng của bị cáo, đã có hành vi ngày 09/4/2019 cùng ký tên vào giấy tờ mua bán xe ô tô cho anh Phạm Văn G nhưng không biết bị cáo mượn xe ô tô của anh Mai Văn T để bán cho anh G nhằm chiếm đoạt tài sản. Anh Phạm Văn G là chủ cửa hàng mua bán xe ô tô có hành vi mua chiếc xe ô tô của bị cáo ngày 09/4/2019 nhưng không biết do bị cáo phạm tội mà

có, anh G không hứa hẹn, bàn bạc từ trước khi mua nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh Ngô Văn H và anh Phạm Văn G là phù hợp pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[11] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; các điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

1.1. Tuyên bố bị cáo Lương Thị C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1.2. Xử phạt Lương Thị C 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 01 tháng 02 năm 2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Lương Thị C phải trả cho anh Phạm Văn G số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng). Được trừ vào số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) gia đình bị cáo đã nộp trước xét xử thay cho bị cáo theo biên lai thu tiền số AA/2012/08058 ngày 18/5/2021 và biên lai thu tiền số AA/2012/08060 ngày 20/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Bị cáo còn phải trả cho anh Phạm Văn G số tiền là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lương Thị C phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- Sở tư pháp tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 02 bản;
- Công an huyện Hải Hậu: 02 bản;
- UBND xã H: 01 bản;
- Bị cáo: 01 bản;
- Người tham gia tố tụng khác: 02 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên